

Số: 944
ĐẾN Ngày: 02/6
 Chuyển: BGD, P8TTĐSK
 Lưu hồ sơ số: 1

ỦY BAN NHÂN DÂN
 HUYỆN GÒ QUAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /KH-UBND

Gò Quao, ngày 26 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp
 đến năm 2030 huyện Gò Quao

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND, ngày 07/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 3832/KH-SYT ngày 27/10/2021 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 54/KH-SYT ngày 07/01/2022 của Sở Y tế Kiên Giang về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030 tỉnh Kiên Giang được phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-UBND, ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 52-KH/HU ngày 17-01-2018 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động số 34-CTr/TU, ngày 29-12-2017 của Tỉnh ủy về "Tăng cường công tác dân số trong tình hình mới";

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 04/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của huyện Gò Quao giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh trên địa bàn huyện Gò Quao đến năm 2030 với những nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI HẠN CHẾ

1. Kết quả đạt được

Mức sinh là một trong những chỉ báo dân số học quan trọng, tác động đến sự phát triển bền vững của địa phương. Nếu mức sinh cao sẽ gây bùng nổ dân số, thách thức các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, mức sinh thấp là nguyên nhân của sự già hóa dân số nhanh, thiếu hụt lực lượng lao động và nhiều vấn đề xã hội khác ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương.

Trong thời gian qua huyện đã thực hiện thành công chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Mỗi cặp vợ chồng có hai con đã trở thành chuẩn mực, lan tỏa, thấm sâu trong toàn xã hội, số con trung bình mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ giảm từ 1,71 con/PN năm 2016 xuống còn 1,62 con/PN năm 2020.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND các mục tiêu

nhệm vụ công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được cụ thể hoá tại các Nghị quyết, chương trình của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; các chính sách của địa phương thể hiện sự quan tâm đặc biệt đến công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, hàng năm đều bố trí kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động trọng tâm của chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát, khen thưởng động viên các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ và gia đình thực hiện tốt chính sách dân số. từ đó đã đạt được những kết quả cụ thể như:

- Quy mô dân số từ 134.271 người năm 2016 đến năm 2020 ở mức 133.776 người

- Tỷ suất sinh năm 2016 là 16,49‰ xuống còn 15,12‰ năm 2020 đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trung bình mỗi năm giảm 0,27‰.

- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 6,68% năm 2016 xuống còn 6,43% năm 2020, trung bình mỗi năm giảm 0,05%.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 11,16‰ năm 2016 xuống còn 9,49‰ năm 2020, trung bình mỗi năm giảm 0,33‰.

- Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của phụ nữ có chồng trong tuổi sinh đẻ) từ 1,71 con/phụ nữ năm 2016 xuống còn 1,62 con năm 2020.

Tuy nhiên theo kết quả đạt được nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế như sau:

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Theo tổng điều tra dân số năm 2019 tổng tỷ suất sinh huyện Gò Quao xuống thấp trung bình 1,58 con/phụ nữ trong tuổi sinh đẻ, là một trong những huyện thuộc nhóm có mức sinh thấp nhất trong tỉnh (dưới mức sinh thay thế 2,1 con) nếu tình trạng mức sinh thấp kéo dài sẽ làm thay đổi các biến dân số (người cao tuổi tăng, trẻ em và nhóm người trong tuổi lao động giảm) làm thiếu nguồn lực lao động ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của huyện.

- Công tác truyền thông những năm gần đây chậm đổi mới, việc tổ chức truyền thông các chủ chương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước thiếu kịp thời, chưa bám sát theo tình hình biến động dân số thực tế của địa phương, chưa chú trọng nhiều đến việc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con.

- Công tác cập nhật các chủ trương, chính sách và các biến dân số để tham mưu đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền của cơ quan chuyên môn còn chậm.

- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động truyền thông của cán bộ, công chức các xã, thị trấn đa số còn nhiều hạn chế.

- Việc lồng ghép nội dung công tác dân số vào các chương trình hoạt động của ban ngành, đoàn thể từ huyện đến xã, thị trấn chưa nhiều, thiếu đồng bộ.

Nguồn lực đầu tư trong thời gian qua chưa tính đến đặc thù mức sinh của

tùng xã, thị trấn; chưa tạo được sự chủ động, quan tâm đầu tư của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách sinh đủ hai con, đặc biệt là các xã, thị trấn có mức sinh thấp.

2.2. Nguyên nhân

Một số cấp ủy đảng, chính quyền trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức, thiếu thường xuyên và chưa quyết liệt.

Bộ phận phụ trách công tác dân số nhất là tuyến xã chưa tính toán được các chỉ báo dân số, từ đó không thể tham mưu giúp lãnh đạo thấy được các vấn đề cần quan tâm giải quyết về dân số.

Tổ chức bộ máy thiếu ổn định, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác dân số còn thấp, đặc biệt là đội ngũ công tác viên dân số các ấp mức phụ cấp quá thấp chỉ có 0,2 mức lương cơ sở/ tháng.

Một bộ phận nhân dân tâm lý muốn có nhiều con, ưa thích con trai dẫn còn tồn tại, nhất là những gia đình có điều kiện kinh tế khá giả.

3. Bài học kinh nghiệm

- Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị là yếu tố quyết định thành công của công tác dân số.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể có liên quan và các xã, thị trấn thực hiện tốt trong việc tuyên truyền chủ trương chính sách, phổ biến kiến thức về DS-KHHGĐ với nhiều hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, trình độ, nhận thức của từng nhóm đối tượng; hướng mạnh hoạt động này về các xã, thị trấn đến với từng hộ gia đình và người dân nhằm làm chuyển biến sâu sắc về nhận thức, tâm lý; vận động, thuyết phục để người dân chấp nhận và tự nguyện thực hiện mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con để phát triển kinh tế bền vững. Cán bộ, đảng viên phải thực sự gương mẫu đi đầu trong thực hiện chính sách dân số và gắn với việc xây dựng gia đình, ấp, khu phố dân cư, đơn vị văn hóa.

- Ngành chuyên môn cập nhật thường xuyên, đầy đủ các chủ chương, chính sách, pháp luật, nghị quyết, kế hoạch, chiến lược của Đảng, nhà nước về lĩnh vực dân số, thu thập thông tin cung cấp kịp thời các chỉ báo dân số và thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền nhằm giúp cho cấp ủy, chính quyền kịp thời có chiến lược, kế hoạch điều chỉnh các biến dân số cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và chủ chương kế hoạch của Đảng, nhà nước theo từng giai đoạn.

- Đội ngũ làm công tác dân số của từng địa phương quản lý tốt đối tượng của chương trình, quan tâm đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chất lượng các dịch vụ và có biện pháp đồng bộ, quyết liệt, đồng thời có kế hoạch thực hiện điều chỉnh mức sinh và mức chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh trên địa bàn thì nơi đó hoàn thành tốt các chỉ tiêu, mục tiêu của chương trình.

- Công tác dân số cần được quan tâm bố trí nguồn lực từ ngân sách trung ương và địa phương, đồng thời kết hợp với việc đẩy mạnh xã hội hóa.

- Có sự kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ; động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân hoạt động tốt trong công tác DS-KHHGĐ, huy động sự đóng góp của nhân dân thông qua các chương trình, dự án, các hoạt động của chương trình DS-KHHGĐ.

Để điều chỉnh mức sinh phù hợp Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn huyện Gò Quao với những mục tiêu, và giải pháp như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng mức sinh đến mức sinh thay thế của huyện, nâng mức sinh ở những xã, thị trấn có mức sinh thấp, giảm mức sinh ở những địa phương có mức sinh cao, duy trì ổn định tỷ số giới tính khi sinh nằm trong mức cân bằng tự nhiên; chủ động vận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bổ dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện thành công kế hoạch chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Giai đoạn 2021-2025

- Quy mô dân số khoảng 139.973 người; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 8,99‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 ở mức 5,04%.

- Vận động mỗi phụ nữ trong tuổi sinh đẻ lập gia đình trước 30 tuổi và sinh đủ 2 con trước 35 tuổi để đảm bảo mức sinh thay thế của một phụ nữ.

- Phấn đấu tăng mức sinh (TFR) ở các xã, thị trấn có mức sinh thấp dưới 1,5 con/phụ nữ lên 1,72 con/phụ nữ vào năm 2025 và các xã, thị trấn có mức sinh từ 1,8 con/phụ nữ lên 2 con/phụ nữ vào năm 2025.

- Giảm tổng tỷ suất sinh đối với những xã, thị trấn có mức sinh cao trên 2 con xuống còn 2 con/phụ nữ vào năm 2025.

- Trên 76% phụ nữ trong tuổi sinh đẻ tiếp cận, thông tin, tư vấn sử dụng các biện pháp tránh thai, thực hiện phòng, chống vô sinh và hỗ trợ sinh sản vào năm 2025 và 77% vào năm 2030.

2.1. Giai đoạn 2026-2030

- Quy mô dân số khoảng 146.386 người; duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 8,49‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 ở mức 4,54%.

- Vận động 100% phụ nữ trong tuổi sinh đẻ lập gia đình trước 30 tuổi và sinh đủ 2 con trước 35 tuổi để đảm bảo mức sinh thay thế của một phụ nữ.

- Các xã, thị trấn đạt mức sinh 1,8 con/phụ nữ vào năm 2025, đến năm 2030 (bình quân một phụ nữ trong tuổi sinh đẻ có 2,1 con/PN).

- Các xã, thị trấn đạt mức sinh 2 con/phụ nữ vào năm 2025, tiếp tục duy trì đến năm 2030 (bình quân một phụ nữ trong tuổi sinh đẻ có 2 – 2,1 con/PN).



- Phân đầu mức sinh thay thế vào năm 2030 (bình quân mỗi phụ nữ trong tuổi sinh đẻ có từ 2,1 con).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

1.1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con để có điều kiện nuôi dạy, chăm sóc con cái và xây dựng hạnh phúc gia đình; gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ ba trở lên.

Các hoạt động chủ yếu

- Ban hành các văn bản của cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo việc tiếp tục duy trì thực hiện xu hướng giảm sinh, phân đầu đạt mức sinh thay thế và thực hiện cuộc vận động thực hiện mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, không sinh con thứ ba trở lên.

- Tổ chức hội nghị, tuyên truyền, vận động, phổ biến chiến lược quốc gia về dân số; chỉ đạo thực hiện sinh đủ hai con, không sinh con thứ 3 trở lên, đặc biệt các xã vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

1.2. Trên cơ sở xác định hiện trạng và xu hướng mức sinh của địa phương để xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể về việc điều chỉnh mức sinh của địa phương cho từng giai đoạn hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế.

Các hoạt động chủ yếu:

- Theo dõi, đánh giá hiện trạng mức sinh của từng xã, thị trấn.

- Ban hành các văn bản, kế hoạch để đưa mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phù hợp với từng giai đoạn.

1.3. Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện; kịp thời có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng thời kỳ.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đưa các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu điều chỉnh mức sinh phù hợp, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị, cơ sở trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện Kế hoạch điều chỉnh mức sinh của địa phương.

- Phối hợp cung cấp ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng ban, ngành, đoàn thể, tổ chức.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện của từng địa phương; có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương trong từng thời kỳ.

T. KIẾN

PHẦN DƯỚI

1.4. Triển khai các quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, không có người sinh con thứ 3 trở lên, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho địa phương với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tuyên truyền sâu rộng các quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hoá gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về Nghị quyết 21NQ/TW và thực hiện mục tiêu điều chỉnh mức sinh phù hợp.

- Tổ chức tuyên truyền, tư vấn trực tiếp nội dung phù hợp cho từng nhóm đối tượng, địa bàn.

- Xây dựng phóng sự, tin bài, bản tin phát trên hệ thống truyền thanh huyện, loa phát thanh và trên internet...

2.2. Phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận động phù hợp đặc thù của từng địa phương.

Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động để giảm sinh nhằm đạt mức sinh thay thế với khẩu hiệu "Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt", đối tượng tuyên truyền, vận động chủ yếu là các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ con theo quy định đối với phát triển kinh tế - xã hội và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Tập trung truyền thông, vận động về lợi ích của thực hiện kế hoạch hóa gia đình, không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày, không sinh nhiều con và không sinh con quá muộn. Lựa chọn thông điệp truyền thông, nội dung truyền thông, vận động, phù hợp với khẩu hiệu vận động là "Mỗi gia đình,

- Tập trung vận động nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi... Mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt. Đối tượng tuyên truyền, vận động chủ yếu là nam, nữ thanh niên chưa kết hôn; gia đình, cặp vợ chồng chưa sinh đủ hai con.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các hoạt động để phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với cộng đồng, gia đình và dòng họ, người có uy tín trong cộng đồng...

Các hoạt động chủ yếu:

- Phối hợp thực hiện thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường trong tình hình

mới.

2.5. Phối hợp thực hiện thí điểm triển khai thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn. Đảm bảo cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu:

- Phối hợp thực hiện việc đánh giá nhu cầu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, hôn nhân, gia đình và các vấn đề có liên quan của nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.

- Tham dự các lớp tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến tỉnh, học viên tham gia giảng dạy chương trình giáo dục trước kết hôn.

- Phối hợp thực hiện thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục trước kết hôn.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

3.1. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp; đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu:

- Rà soát, đánh giá tác động của các quy định có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu giảm sinh, duy trì mức sinh thay thế.

- Đề xuất các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới.

3.2. Cụ thể hoá các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của từng địa phương, các nhóm đối tượng có mức sinh khác nhau.

Các yếu tố chủ yếu:

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành:

- Rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung, mở rộng đối tượng thụ hưởng hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số.

- Tiếp tục hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ cho người dân có nhu cầu thuộc hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn huyện.

- Bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình... theo quy định hiện hành.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ có liên quan

4.1. Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ sinh sản tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn. Lòng ghép các hoạt động phổ cập dịch vụ KHHGĐ/SKSS với chương trình củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đảm bảo hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, người dân tộc thiểu số, vùng có mức sinh cao.

- Tổ chức cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản/kế hoạch hoá gia đình thân thiện với trẻ vị thành niên/thanh niên...

- Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiếp thị xã hội, xã hội hoá cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ sinh sản.

- Thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình/sức khoẻ sinh sản trực tuyến qua website, email, facebook... theo kế hoạch của cấp trên.

4.2. Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, chống vô sinh tuổi vị thành niên tại cộng đồng.

Các hoạt động chủ yếu:

- Thực hiện thí điểm mô hình phòng, chống vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình truyền thông giáo dục, can thiệp tại cộng đồng.

- Thực hiện thí điểm mô hình xã hội hoá dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, ung thư đường sinh sản tại cộng đồng cho nhóm dân số trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân khi tình triển khai.

4.3. Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khoẻ, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống. Lòng ghép với các hoạt động của chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021 - 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 10/4/2020.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các đợt chăm sóc sức khoẻ sinh sản/kế hoạch hoá gia đình vừa và nhỏ tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tổ chức khám sức khoẻ, tư vấn cho nam, nữ thanh niên về phòng, tránh và điều trị các bệnh lây truyền khi chuẩn bị kết hôn, các bệnh có nguy cơ sinh con dị tật và mắc các bệnh hiểm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

5.1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Các hoạt động chủ yếu:

- Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và cộng tác viên thực hiện có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Pháp lệnh Dân số, thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ về dân số cũng như nội dung điều chỉnh mức sinh.

5.2. Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý

Các hoạt động chủ yếu:

- Tham gia nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội.

- Đưa chỉ tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế vào các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021 - 2030.

- Thường xuyên cung cấp, thông tin về dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan, đoàn thể để lồng ghép thực hiện.

5.3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

Các hoạt động chủ yếu:

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá đối với các xã, thị trấn; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2020-2025 để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm và được được phân bổ hàng năm theo dự toán chi cho đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế huyện

- Chủ trì, tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương, trạm y tế các xã, thị trấn triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ, khuyến khích liên quan đến điều chỉnh mức sinh phù hợp trên địa bàn và từng nhóm đối tượng.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch báo cáo Sở Y tế và UBND huyện theo quy định.

- Tham mưu, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025, báo cáo UBND huyện điều chỉnh kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với

biến động mức sinh của huyện và nhóm đối tượng.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện dự toán, phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chi trả đảm bảo đúng quy định.

3. Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh

Thường xuyên tuyên truyền các hoạt động, nội dung, thông tin về dân số tới Nhân dân trên địa bàn huyện. Xây dựng phóng sự, tin, bài, đa dạng hoá các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số trên địa bàn. Tăng cường tuyên truyền các nội dung về công tác dân số trong tình hình mới, đặc biệt tuyên truyền về nội dung chuyển hướng chính sách dân số - KHHGĐ sang dân số và phát triển, thực hiện nỗ lực giảm sinh. Thường xuyên cập nhật tình hình thực hiện chính sách Dân số - KHHGĐ trên địa bàn kịp thời nêu gương những điển hình, nhân tố mới.

Tuyên truyền, vận động Nhân dân xoá bỏ các hủ tục lạc hậu trong hôn nhân và gia đình; hướng dẫn các chính quyền cơ sở đưa nội dung chính sách dân số, Luật Hôn nhân và Gia đình lồng ghép vào các cuộc họp tạo ấp, khu phố. Thường xuyên lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, câu lạc bộ "Gia đình phát triển bền vững" tại cộng đồng dân cư. Tiếp tục thực hiện tốt tiêu chí về Dân số - KHHGĐ trong bình xét, xây dựng nông thôn mới, đơn vị và gia đình văn hóa.

4. Trung tâm Chính trị, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT, Trường PT dân tộc nội trú huyện

- Tiếp tục đưa các nội dung tuyên truyền, sinh hoạt về dân số, sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục, giới tính, bình đẳng giới vào chương trình giáo dục và sinh hoạt ngoại khoá của nhà trường, nhất là giáo dục phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng sống đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ, việc kết hôn, sinh con đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện kế hoạch và tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và hội viên, đoàn viên nội dung kế hoạch này.

6. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể để thực trên tại địa phương, đưa các

mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức giảm sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương từng giai đoạn, từng năm; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án liên quan trên địa bàn.

- Rà soát biểu dương các gia đình, tổ chức thực hiện tốt Pháp lệnh Dân số; phối hợp với Đài Truyền thanh huyện và cơ quan chuyên môn tuyên truyền, nêu gương trên công thông tin điện tử huyện, trang, tin, bài, mạng xã hội...

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện các chỉ tiêu trên địa bàn, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả về UBND huyện (qua Phòng Dân số, Trung tâm Y tế huyện).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp trên địa bàn huyện Gò Quao đến năm 2030. Đề nghị các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện, UBND xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện! *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- UBND tỉnh;
- Sở Y tế;
- Chi cục Dân số-KHHGĐ;
- TT Huyện ủy;
- TT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ DS-KHHGĐ;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.



Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao
Email: goquao@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 26.05.2022 17:59:15 +07:00



KẾT QUẢ TFR NĂM 2021 KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2022-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

STT	ĐƠN VỊ	Kết quả thực hiện năm 2020	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2022-2025					Định hướng đến năm 2030
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Thị trấn	1,37	1,44	1,51	1,58	1,65	1,72	2,10
2	Vĩnh Phước A	1,61	1,82	1,86	1,92	1,96	2,00	2,15
3	Vĩnh Phước B	1,36	1,82	1,86	1,92	1,96	2,00	2,15
4	Vĩnh Tuy	1,60	1,81	1,85	1,89	1,93	1,97	2,15
5	Vĩnh Thắng	1,81	2,03	2,04	2,05	2,06	2,07	2,17
6	Vĩnh Hòa Hưng Nam	1,68	1,83	1,87	1,91	1,95	2,00	2,15
7	Vĩnh Hòa Hưng Bắc	1,73	1,96	1,97	1,98	1,99	2,00	2,15
8	Định An	1,57	1,78	1,83	1,88	1,94	2,00	2,15
9	Định Hòa	1,59	1,80	1,85	1,90	1,95	2,00	2,15
10	Thủy Liễu	1,84	2,08	2,09	2,10	2,11	2,12	2,17
11	Thới Quản	1,58	1,79	1,83	1,87	1,91	1,95	2,15
TOÀN HUYỆN		1,62	1,83	1,87	1,91	1,95	2,00	2,15

Số liệu giai đoạn 2016-2019 của Chi cục dân số cung cấp (năm 2020 huyện ước)
Riêng năm 2021 (Kết quả số liệu điều tra chọn mẫu mỗi xã, thị trấn chọn một ấp)